

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY NĂM 2021

Ngày 30/3/2021, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật Phòng, chống ma túy (Luật số 73/2021/QH14). Luật đã được Chủ tịch nước đã ký lệnh số 01/2021/L-CTN ngày 09/4/2021 về việc công bố Luật và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng, chống tội phạm về ma túy, góp phần quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống ma túy, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Việc triển khai thực hiện Luật Phòng, chống ma túy đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: công tác quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy đi vào nề nếp và có hiệu quả; nhận thức của cán bộ, công chức các cấp và đông đảo người dân trong xã hội về tác hại của ma túy và trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân được nâng lên; công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy đã có sự đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức, huy động được sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành và đông đảo quần chúng, nhiều mô hình tuyên truyền giáo dục phòng, chống ma túy có hiệu quả được triển khai, nhân rộng; công tác cai nghiện ma túy từng bước được đổi mới. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy đạt được nhiều kết quả; phát hiện, điều tra, khám phá nhiều tổ chức, đường dây tội phạm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy lớn trong nước và xuyên quốc gia, thu giữ lượng ma túy rất lớn. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án ma túy được thực hiện nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật. Những kết quả triển khai thực hiện Luật Phòng, chống ma túy nêu trên đã giúp kiềm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn ma túy, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh và đa dạng của nền kinh tế, đời sống văn hóa - xã hội nên một số quan hệ xã hội mới liên quan đến phòng, chống ma túy xuất hiện nhưng chưa có quy định điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, chưa có quy định về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Số người sử dụng trái phép chất ma túy trong những năm vừa qua ngày càng gia tăng, đặc biệt là sử dụng ma túy tổng hợp, hình thức sử dụng phong

phú, đa dạng từ hút, hít, tiêm chích sang uống, ngậm (ma túy tổng hợp, thuốc hướng thần)... Tình hình sử dụng trái phép chất ma túy có xu hướng gia tăng đang diễn biến phức tạp, nhất là từ khi Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực thi hành thì hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không bị coi là tội phạm và không bị xử lý hình sự. Sự phát triển bùng nổ của các loại hình kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự như vũ trường, quán Bar, nhà hàng¹... đã tạo điều kiện cho các đối tượng lợi dụng tổ chức sử dụng ma túy tổng hợp. Nhiều trường hợp sử dụng ma túy, nhất là ma túy tổng hợp, ngay từ lần sử dụng đầu tiên đã gây ra nguy hiểm cho chính bản thân mình và gây mất an ninh, trật tự; đặc biệt, người sử dụng ma túy tổng hợp bị loạn thần (ngáo đá), không kiểm soát được hành vi gây ra các vụ thảm án, gây hoang mang trong dư luận nhân dân, có những vụ đối tượng giết chính người thân của mình. Trong khi đó, chưa có quy định của pháp luật về quản lý đối tượng này nên mặc dù thấy được tính chất nguy hiểm, hậu quả gây ra cho xã hội, nhưng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy chưa được quan tâm một cách đúng mức, dẫn đến hậu quả do những người sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội trong thời gian qua là vô cùng nghiêm trọng, gây bất an trong nhân dân. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định hiện nay chỉ bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng là chưa đủ sức răn đe. Do đó, cần phải quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và "có chế tài nghiêm khắc hơn đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy" theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy (Chỉ thị số 36-CT/TW).

Thứ hai, quy định về công tác cai nghiện còn một số bất cập.

Số người nghiện gia tăng, năm 2009 cả nước có 146.731 người nghiện có hồ sơ quản lý, đến tháng 12/2019 cả nước có 235.314 người nghiện có hồ sơ quản lý (tăng 60%), xuất hiện nhiều chất ma túy mới, nhất là ma túy tổng hợp. Công tác lập hồ sơ đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gặp khó

¹ Theo thống kê của Cục C04, năm 2019 cả nước có 3.879 cơ sở kinh doanh có điều kiện (Vũ trường, quán Bar, nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, Club...) có biểu hiện liên quan đến tội phạm và tệ nạn ma túy. Đã xử lý hành chính 13.868 đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại các cơ sở này; độ tuổi dưới 18 chiếm 4%, từ đủ 18 đến 35 tuổi chiếm 85%, từ 35 tuổi trở lên chiếm 11%.

Theo báo cáo ma túy thế giới, năm 2018 trên toàn thế giới ước tính có 450.000 ca tử vong do sử dụng ma túy năm 2015; trong số đó có 167.750 người chết do liên quan trực tiếp đến các rối loạn sử dụng ma túy, chủ yếu là quá liều.

khăn, người nghiện ở ngoài xã hội nhiều, tác động rất lớn đến tình hình trật tự, an toàn xã hội; đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu, hiệu quả không cao, nhiều địa phương làm mang tính hình thức; công tác quản lý sau cai tại nơi cư trú và tại cơ sở quản lý sau cai không còn phù hợp; chưa có quy định về cai nghiện ma túy với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do nghiện ma túy. Công tác xã hội hóa cai nghiện còn nhiều khó khăn, hiện nay các cơ sở cai nghiện do các tổ chức, cá nhân thành lập chưa được quan tâm và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, trong khi đây là lĩnh vực lợi nhuận không cao nên không thu hút được các nhà đầu tư. Cơ sở vật chất ở một số cơ sở cai nghiện còn thiếu, xuống cấp, chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng, dẫn đến khó khăn, bất tiện trong sinh hoạt, dễ gây bức xúc cho học viên. Các học viên sau khi cai nghiện ở các cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về cộng đồng khó kiếm việc làm để ổn định cuộc sống.

Thứ ba, Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) có một số nội dung chưa bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Cụ thể như: mâu thuẫn với Luật Xử lý vi phạm hành chính về quy định thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Luật Phòng, chống ma túy quy định việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Mâu thuẫn với Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự về thẩm quyền điều tra của Bộ đội Biên phòng, cụ thể: Luật Phòng, chống ma túy quy định cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát Biển có chức năng phòng ngừa, ngăn chặn hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát; Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự quy định thẩm quyền điều tra của Bộ đội Biên phòng ngoài việc có thẩm quyền điều tra về tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, còn có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra với các tội khác như: tội trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác chứa chất ma túy; sản xuất trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc

sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; Cảnh sát Biên được tiến hành điều tra đối với các tội: tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Điều 259 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thêm một số hành vi mới như: "*Vi phạm quy định về tạm nhập, tái xuất, giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần*" nhưng trong Luật Phòng, chống ma túy chưa quy định nghiêm cấm các hành vi này. Sự không thống nhất giữa Luật Phòng, chống ma túy với các bộ luật và luật nêu trên đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác phòng, chống ma túy.

Ngoài ra, còn một số vấn đề của thực tiễn đang đặt ra, nhưng Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) chưa đáp ứng được, cụ thể như sau:

Phòng, chống ma túy là lĩnh vực đặc thù, có nhiều hiểm nguy, trung bình trong 05 năm gần đây, cả nước phát hiện khoảng 20.000 vụ với trên 30.000 đối tượng vi phạm pháp luật về ma túy, khối lượng chất ma túy thu giữ tính bằng tấn. Tội phạm ma túy trong nước tổ chức, cấu kết với các đối tượng người nước ngoài ngày càng chặt chẽ, các đối tượng chủ mưu, cầm đầu các tổ chức tội phạm ma túy xuyên quốc gia phần lớn sinh sống ở nước ngoài. Cán bộ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy luôn đứng trước các hiểm nguy, hy sinh, nguy cơ lây nhiễm HIV... Nhưng Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) chưa tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho cơ chế phối hợp điều tra của lực lượng điều tra trong nước với các nước, các tổ chức phòng, chống ma túy quốc tế; chưa có chính sách ưu đãi đối với lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Một số hoạt động chưa được đưa vào kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy như tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, đây là các hoạt động trên thực tiễn diễn ra thường xuyên, rất dễ bị các đối tượng lợi dụng hoạt động phạm tội về ma túy. Một số loại thuốc có chứa chất ma túy, tiền chất cũng chưa được quy định kiểm soát. Thực tế, các đối tượng đã lợi dụng sản xuất ma túy

tổng hợp từ các loại thuốc này². Tính đến nay, cả nước đã phát hiện, bắt giữ 44 vụ sản xuất trái phép chất ma túy (trong đó có 01 vụ sản xuất Heroine, 43 vụ sản xuất ma túy tổng hợp), 15 vụ sản xuất ma túy tổng hợp bằng cách chiết xuất tiền chất từ thuốc tân dược (chiếm 35%).

Căn cứ vào Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng, Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình hiện nay (Chỉ thị số 25/CT-TTg) và xuất phát từ thực tiễn công tác phòng, chống ma túy trong tình hình hiện nay, việc xây dựng, ban hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 là yêu cầu cấp thiết, khách quan để thể chế hóa quan điểm của Đảng, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống ma túy, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới, đặc biệt là trong công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

- Việc xây dựng Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 nhằm tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách pháp luật về phòng, chống ma túy và khắc phục những hạn chế, bất cập trong các quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống ma túy. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân là nòng cốt, chủ trì công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

- Nâng cao nguồn lực cho công tác phòng, chống ma túy, củng cố lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy. Quản lý tốt người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, góp phần ngăn chặn, đấu tranh từng bước loại trừ tệ nạn ma túy và tội phạm về ma túy ra khỏi đời sống xã hội.

² Năm 2017, Công an TP Hà Nội bắt giữ 04 vụ/04 đối tượng, Công an Lạng Sơn bắt 02 vụ chiết xuất Ketamin từ thuốc thú y KetamilInjection, thuốc gây mê cho động vật khi phẫu thuật.

- Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về ma túy. Ngăn chặn có hiệu quả nguồn ma túy thâm lậu vào trong nước, kiên quyết không để Việt Nam là địa bàn trung chuyển ma túy quốc tế.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Quán triệt và thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống ma túy, đặc biệt là tại Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới.

- Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống ma túy.

- Tổng kết đầy đủ và toàn diện về công tác phòng, chống ma túy trong những năm qua; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống ma túy hiện nay và trong những năm tiếp theo.

- Bảo đảm phù hợp với thông lệ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là 03 Công ước quốc tế của Liên Hợp quốc về ma túy các năm 1961, 1971, 1988, các cam kết quốc tế, khu vực và một số công ước quốc tế về quyền con người. Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật và thực tiễn công tác phòng, chống ma túy của một số quốc gia trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật gồm 08 chương, 55 điều, cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 05 điều (từ Điều 1 đến Điều 5) quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy; nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy; các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II. Trách nhiệm phòng, chống ma túy, gồm 06 điều (từ Điều 6 đến Điều 11) quy định về trách nhiệm của cá nhân, gia đình; trách nhiệm của cơ quan nhà nước; trách nhiệm của cơ sở giáo dục; trách nhiệm của cơ quan báo chí; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức khác; cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

3. Chương III. Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, gồm 10 điều (từ Điều 12 đến Điều 21) quy định về các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất; kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất; kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; lập hồ sơ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh; kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật.

4. Chương IV. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, gồm 05 điều (từ Điều 22 đến Điều 26) quy định về xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy; trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Chương V. Cai nghiện ma túy, gồm 17 điều (từ Điều 27 đến Điều 43) quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy; các biện pháp cai nghiện ma túy; quy trình cai nghiện ma túy; cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy; đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy cho người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam; cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng;

miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy; trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng; lập danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

6. Chương VI. Quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy, gồm 07 điều (từ Điều 44 đến Điều 50) quy định nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy; trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Y tế; trách nhiệm của Bộ Tài chính.

7. Chương VII. Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy, gồm 03 điều (từ Điều 51 đến Điều 53) quy định về nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; chính sách hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; chuyên giao hàng hoá có kiểm soát.

8. Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (Điều 54 và Điều 55) quy định về hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, công tác cai nghiện và quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, tạo môi trường lành mạnh, an ninh, an toàn góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội; tăng cường hợp tác quốc tế; việc xây dựng Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống ma túy trong tình hình mới và đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Trên cơ sở kế thừa các điều luật của Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh và bổ sung nhiều nội dung mới. Cụ thể:

1. Những quy định chung (Chương I)

Về phạm vi điều chỉnh: Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh so với Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), cụ thể: Luật này quy định về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy. Quy định này nhằm bao quát đầy đủ

các nội dung quy định về phòng, chống ma túy và tránh chòng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Về giải thích từ ngữ (Điều 2): so với Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đã sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ sau:

- Bổ sung khái niệm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất. Đây là loại thuốc cần đưa vào hoạt động kiểm soát liên quan đến ma túy, không để tội phạm lợi dụng sản xuất ma túy từ các loại thuốc này.

- Tách khái niệm "tội phạm về ma túy" ra khỏi "tệ nạn ma túy" nhằm xác định đúng tính chất của "tội phạm về ma túy" và "tệ nạn ma túy" vì tệ nạn là hiện tượng xã hội còn tội phạm là hành vi cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự cần tập trung đấu tranh. Theo đó, tại khoản 8 Điều 2 Luật quy định: "*Tệ nạn ma túy* là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự".

- Bổ sung các khái niệm: "*Người sử dụng trái phép chất ma túy* là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính"; "*Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể* là việc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn nhằm xác định chất ma túy trong cơ thể thông qua mẫu nước tiểu, mẫu máu hoặc các mẫu vật khác của cơ thể người". Việc bổ sung các khái niệm này để phân biệt với "người nghiện ma túy", ngăn chặn họ tiếp tục sử dụng và dẫn đến nghiện ma túy, kịp thời giám sát, quản lý, giáo dục không để họ gây rối trật tự, đe dọa tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và tài sản của người khác.

- Bổ sung khái niệm "*Cai nghiện ma túy* là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này". Việc bổ sung khái niệm này giúp nhận thức đầy đủ về công tác cai nghiện ma túy nhằm nâng cao hiệu quả thực tế của công tác này.

- Bổ sung khái niệm "*Cơ sở cai nghiện ma túy* là cơ sở được thành lập để thực hiện đầy đủ quy trình cai nghiện theo quy định của Luật này, bao gồm cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện".

Về chính sách phòng, chống ma túy (Điều 3): Luật quy định cụ thể chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này. Trong đó, nhấn mạnh “Ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, khu vực biên giới và địa bàn phức tạp về ma túy”, “Cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ, địa bàn hoạt động theo quy định của Chính phủ”. Đồng thời, để bảo đảm điều kiện cho công tác phòng, chống ma túy, tăng cường nguồn lực và năng lực cho các cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, Luật bổ sung quy định cụ thể về nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy tại Điều 4, gồm: ngân sách nhà nước; nguồn tài trợ, viện trợ, đầu tư, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; chi trả của gia đình, người nghiện ma túy; các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5): Luật bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm như: nghiên cứu, kiểm nghiệm, kiểm định trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy; hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy; kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

2. Trách nhiệm phòng, chống ma túy (Chương II)

Tại Chương II, Luật quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng trong phòng, chống ma túy; quy định cụ thể cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy và nguyên tắc phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy. Cụ thể như sau:

Về trách nhiệm của cá nhân, gia đình (Điều 6): Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) quy định cá nhân, gia đình có trách nhiệm: “Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác” là không khả thi, rất khó khăn để thực hiện. Vì vậy, Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đã quy định theo hướng cá nhân, gia đình có trách nhiệm

kip thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức (khoản 4 Điều 6).

Về trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy (Điều 11): Luật quy định cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy bao gồm: cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân; cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quan.

Trong đó, cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Hải quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan, tổ chức khác có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

Đồng thời, Luật cũng quy định trường hợp trên cùng một địa bàn khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan thì cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Luật giao Chính phủ quy định việc phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy. Việc bổ sung nội dung này để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy của các lực lượng chuyên trách.

3. Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy (Chương III)

Về cơ bản, nội dung Chương này kế thừa quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), trong đó có một số nội dung được bổ sung nhằm góp phần nâng cao năng lực phát hiện, ngăn chặn các đối tượng phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy như sau:

Bổ sung quy định kiểm soát đối với thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hương thần, tiền chất dùng làm thuốc và

thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất nhằm bảo đảm không để tội phạm lợi dụng sản xuất ma túy tổng hợp (Điều 15, Điều 16).

Đồng thời, bổ sung quy định về kiểm soát đối với các hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất nhằm tăng cường quản lý các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, góp phần nâng cao năng lực phát hiện và ngăn chặn các đối tượng phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy. Theo đó, Điều 17 của Luật quy định:

- Các hoạt động phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép bao gồm: nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất; tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc.

- Hoạt động quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Đối với việc kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thực hiện theo quy định của pháp luật về dược, trừ hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Luật này (Điều 15).

4. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Chương IV)

Đây là quy định mới của Luật so với Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008). Xuất phát từ tình hình phức tạp của người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian vừa qua, nhưng pháp luật chưa có quy định quản lý những người này. Qua khảo sát thực tiễn, Luật đã xây dựng các quy định nhằm quản lý tốt người sử dụng trái phép chất ma túy. Việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy được áp dụng ngay lần đầu người đó sử dụng trái phép chất ma túy, mục đích là ngăn chặn không để họ tiếp tục sử dụng, từ đó góp phần làm giảm người nghiện ma túy, điều này có tác dụng rất tốt ngay chính với người sử dụng trái phép chất ma túy, gia đình họ và xã hội. Quản lý người

sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý vi phạm hành chính. Trong thời gian quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy nếu người đó thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nếu được xác định tình trạng nghiện thì thực hiện theo các quy định về công tác cai nghiện. Các nội dung cụ thể như sau:

Xác định người sử dụng trái phép chất ma túy:

Theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật, người bị coi là người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính. Tại Điều 22 của Luật quy định về xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể như sau:

- Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây: người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý; người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy. Việc quy định cụ thể trường hợp bị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể như trên nhằm tạo điều kiện để các cơ quan chức năng có căn cứ khách quan xác định người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và giám sát người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tiến hành xét nghiệm chất ma túy theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp quy định ở trên. Trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính thì gửi ngay kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có kết quả xét nghiệm dương tính cư trú, trừ trường hợp người đó đang cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Nhà nước bảo đảm kinh phí xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp quy định ở trên.

Về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 23): Luật quy định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính. Luật cũng quy định Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú có trách nhiệm tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý. Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm: tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy; xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xét nghiệm dương tính của người cư trú tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ra quyết định và tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương. Trong thời hạn quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây: (1) Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy; (2) Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (3) Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; (4) Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù; (5) Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

Về trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy; gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng: Luật đã quy định rõ trách nhiệm người sử dụng trái phép chất ma túy; gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy để huy động sự tham gia của toàn hệ thống chính trị, nhằm đạt hiệu quả thiết thực trong công tác này. Theo đó, tại Điều 24, Luật quy định cụ thể trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy như sau: (1) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình cho Công an cấp xã nơi cư trú; (2) Chấp hành việc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Về phía gia đình, khoản 1 Điều 25 của Luật quy định các trách nhiệm sau: (1) Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (2) Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho Công an cấp xã nơi người đó cư trú; (3) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội; (4) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

Về phía cơ quan, tổ chức nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống có trách nhiệm sau đây: (1) Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (2) Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể (khoản 2 Điều 25).

Về lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 26): Luật quy định Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương. Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì Công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho Công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và tiếp tục quản lý. Đồng thời, Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây: (1) Người sử dụng trái phép chất ma túy không có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian quản lý quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này; (2) Người sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp dừng quản lý quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật này; (3) Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

5. Cai nghiện ma túy (Chương V)

So với Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), nội dung về cai nghiện ma túy tại Chương V của Luật Phòng chống ma túy năm 2021 được sửa đổi cơ bản, toàn diện, khắc phục tình trạng bất cập trong công tác cai nghiện thời gian qua, bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật xử lý vi phạm hành chính, đồng thời bổ sung các quy định mới bảo đảm công tác cai nghiện có hiệu quả, cụ thể như sau:

Về xác định tình trạng nghiện ma túy (Điều 27): Luật quy định các trường hợp phải xác định tình trạng nghiện ma túy để phân biệt người nghiện ma túy

với người sử dụng trái phép chất ma túy nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác phân loại, quản lý đối tượng và việc áp dụng các biện pháp quản lý, cai nghiện phù hợp. Theo đó, việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau: (1) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (2) Người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định; (3) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (4) Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (5) Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy (khoản 1).

Về các biện pháp cai nghiện ma túy (Điều 28): Luật quy định 02 biện pháp cai nghiện ma túy, bao gồm: cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc. Trong đó, biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy. Biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Luật không quy định biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng vì thực tế biện pháp này không đủ nguồn lực về con người, vật chất và không hiệu quả. Những năm gần đây nhiều địa phương không triển khai thực hiện được hoặc thực hiện mang tính hình thức.

Về biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (Điều 30): Luật đã sửa đổi các quy định về cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, theo đó, việc tiến hành cai nghiện tại gia đình, cộng đồng được thực hiện với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

Cơ sở cai nghiện ma túy, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện cung cấp một hoặc nhiều hoạt động cai nghiện theo quy trình cai nghiện quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật này được cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và có trách nhiệm: tiếp nhận và tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thực hiện đúng quy trình chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt

dịch vụ hoặc hoàn thành dịch vụ phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Luật giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; hướng dẫn, quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền trên địa bàn cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; tiếp nhận đăng ký và công bố danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Về cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy (Điều 31): Luật quy định thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 29 của Luật này được hỗ trợ kinh phí. Đồng thời, Luật quy định người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây: thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định. Trường hợp người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập mà có hoàn cảnh khó khăn được xét giảm hoặc miễn chi phí phải nộp.

Về đối tượng cai nghiện ma túy (Điều 32, Điều 33): Luật quy định cụ thể các trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên. Theo đó, Điều 32 của Luật quy định người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện; trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện; trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện thì bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở

cai nghiện bắt buộc. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện; (2) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (3) Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện. Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng. Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính. Luật giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 33).

Về lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (Điều 34): Luật quy định việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Trường hợp người nghiện ma túy do Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó;

- Hồ sơ đề nghị bao gồm biên bản vi phạm, bản tóm tắt lý lịch, tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó, bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp;

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Cơ quan, người lập hồ sơ đề nghị quy định ở trên phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan, người lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi ý kiến về việc lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, cơ quan, người đã lập hồ sơ gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan, người đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ, thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm: (1) Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34; (2) Văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong nội dung văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải nêu ý kiến về bảo vệ quyền trẻ em.

Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ cai nghiện ma túy áp dụng đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Về cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Điều 36): quy định về cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện thể hiện chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư vào công tác cai nghiện, khuyến khích thành lập các cơ sở cai nghiện tư nhân. Luật quy định cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có quyền tiếp nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tự nguyện phù hợp với khả năng tiếp nhận của cơ sở cai nghiện; được thu các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy; được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Luật quy định cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm tuân thủ quy trình cai nghiện ma túy; tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy; bảo đảm quyền của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi trong thời gian cai nghiện ma túy; người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; niêm yết công khai chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật; phòng, chống thâm lậu ma túy vào cơ sở; bố trí các khu hoặc phòng riêng khi tiếp nhận các đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, nữ giới; người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người cai nghiện ma túy được tiếp nhận hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành quy trình cai nghiện ma túy phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện.

Về cai nghiện ma túy cho người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam (Điều 37): Đây là điều luật được bổ sung, theo đó, Luật tạo điều kiện cho người nước ngoài cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy và phải chi trả toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện, nếu không đăng ký cai nghiện tự nguyện thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy thì phải tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy, nếu có kết quả xác định là nghiện ma túy thì phải thực hiện các biện pháp cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này.

Về miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc (Điều 39): Luật quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18

tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú (Điều 40): để khắc phục những bất cập của công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú thời gian vừa qua, Luật đã quy định cụ thể đối tượng và thời hạn quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và không quy định quản lý sau cai nghiện tại cơ sở cai nghiện; đồng thời, bổ sung quy định về nội dung quản lý, hỗ trợ xã hội đối với người đã hoàn thành cai nghiện nhằm nâng cao hiệu quả thiết thực của công tác này trong thực tế. Cụ thể, Luật quy định người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định. Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

Trong đó, nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy; theo dõi, phát hiện, ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, Luật quy định hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: hỗ trợ học văn hóa đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng.

Luật giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định và tổ chức quản lý, hỗ trợ xã hội sau cai nghiện ma túy. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, chế độ quản lý và chính sách hỗ trợ cho người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

Về trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng (Điều 42): nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống ma túy, nâng cao nguồn lực cho công tác phòng, chống ma túy, quản lý tốt người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, góp phần ngăn chặn, đấu tranh từng bước loại trừ tệ nạn ma túy, tội phạm về ma túy ra khỏi đời sống xã hội, Luật đã có những bổ sung về trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy và cộng đồng trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai

nghiện và hòa nhập cộng đồng. Cụ thể, gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng; phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng. Đối với cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm động viên, giúp đỡ người nghiện ma túy; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

6. Quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy (Chương VI)

Về cơ bản, nội dung Chương này kế thừa các quy định của Luật hiện hành; đồng thời, chỉnh lý quy định về trách nhiệm của các Bộ trong phòng, chống ma túy cho phù hợp với các nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Luật. Cụ thể:

Về trách nhiệm của Bộ Công an (Điều 46), Luật quy định Bộ Công an có trách nhiệm: (1) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. (2) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống ma túy; tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm về ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy theo thẩm quyền. (3). Tổ chức công tác giám định chất ma túy và tiền chất. (4). Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. (5). Hướng dẫn việc lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy. (6). Chủ trì thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin tội phạm về ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy và kết quả kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy. (7). Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

Về trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Điều 47): Luật đã có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các nội dung về công tác cai nghiện ma túy được sửa đổi. Cụ thể, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: (1) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. (2) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan và chính quyền địa phương hướng dẫn việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai

nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. (3) Hướng dẫn việc thành lập, giải thể và tổ chức hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập. (4) Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy. (5) Hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp. (6) Thực hiện hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy. (7) Thống kê người nghiện ma túy đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy.

Về trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (Điều 48): Luật cũng có những sửa đổi, bổ sung để nâng cao hiệu quả trong phối hợp với cơ quan hữu quan của nước khác để phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy và kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở khu vực biên giới và trên biển. Cụ thể, Luật quy định Bộ Quốc phòng có trách nhiệm: (1) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. (2) Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy ở khu vực biên giới trên đất liền, trên biển, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. (3) Chỉ đạo lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan, lực lượng chức năng để tiếp nhận, xử lý thông tin tội phạm về ma túy, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại khu vực, địa bàn quy định tại khoản 2 Điều 48 theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. (4) Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển Việt Nam. (5) Thống kê người nghiện ma túy trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ do Bộ Quốc phòng quản lý.

Ngoài ra, Luật bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính (Điều 50) trong chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện hoạt động phòng, chống ma túy theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Các quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy được kế thừa quy định cũ. Đây là quy định mang tính nguyên tắc, chính sách trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy nhằm góp phần tăng cường trao đổi thông tin, nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống ma túy (Điều 51).

Đồng thời, Luật khuyến khích tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác với cơ quan, tổ chức của Việt Nam hỗ trợ lẫn nhau về cơ sở vật chất, tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ đào tạo và y tế cho hoạt động phòng, chống ma túy (Điều 52).

8. Điều khoản thi hành

Về hiệu lực thi hành, Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (Điều 54).

Về quy định chuyển tiếp, Điều 55 quy định:

- Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành: (1) Người đang thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện thì tiếp tục thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện đến hết thời hạn đã đăng ký theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 và bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này; (2) Người đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy thì tiếp tục chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy đến hết thời hạn quản lý sau cai nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12. Trường hợp người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy đủ 18 tuổi kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà tái nghiện thì áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; (3) Người đang chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 thì được đăng ký cai nghiện tự nguyện theo quy định của Luật này. Thời gian đã chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được tính vào thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện; (4) Người thuộc trường hợp phải đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 đang trong quá trình lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì thực hiện việc cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này; (5) Giấy phép liên quan đến hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy đã được cấp tiếp tục được sử dụng đến hết thời hạn ghi trên giấy phép.

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc được thành lập theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 phải đáp ứng đủ điều kiện của cơ sở cai nghiện ma túy công lập

theo quy định của Luật này. Các cơ sở khác về cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 đã được cấp giấy phép hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động cho đến khi hết thời hạn của giấy phép.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN LUẬT

Để triển khai thi hành Luật trong thực tế, cần đầu tư kinh phí cho việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc sau đây:

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật; tổ chức tập huấn chuyên sâu cho lực lượng cán bộ, chiến sĩ thực hiện công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy, bao gồm: chi phí in ấn tài liệu; tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu; tuyên truyền, phổ biến quy định của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng ...

- Chi phí đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện; kiên toàn, củng cố, xây dựng lực lượng cán bộ, chiến sĩ thực hiện công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy của các cơ quan chuyên trách và chính quyền địa phương.

- Ban hành, in ấn, cấp phát sổ sách, biểu mẫu, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác phòng, chống ma túy.

- Chi phí phục vụ việc theo dõi, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật hàng năm.

VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT

1. Chính sách 1: Quy định cơ chế quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Với việc quy định cơ chế quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tại xã, phường, thị trấn, chính sách này của Luật có những tác động sau:

Tác động về kinh tế, đối với Nhà nước, chính sách làm giảm chi ngân sách cho việc giải quyết tệ nạn về ma túy. Vì hiện nay, hàng năm, Nhà nước phải dành một khoản ngân sách rất lớn cho công tác phòng, chống ma túy để thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy; công tác vận động xóa bỏ cây thuốc phiện, cần sa; công tác tổ chức cai nghiện tại cộng đồng, xây dựng và quản lý các trung tâm cai nghiện; hoạt động kiểm soát ma túy; hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về ma túy; các hoạt động hợp tác quốc tế trong công tác

phòng, chống ma túy; giam giữ, cải tạo số người phạm tội về ma túy. Nếu chọn chính sách này thì sẽ quản lý được số người sử dụng trái phép chất ma túy, từ đó, kéo giảm tội phạm về ma túy và người nghiện ma túy, do vậy, ngân sách nhà nước chi cho hoạt động phòng, chống ma túy sẽ giảm. Tuy nhiên, đây là nội dung mới, do vậy làm phát sinh chi phí nghiên cứu để quy định về nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, sau đó là chi phí để tổ chức triển khai thi hành trên thực tế như: biên soạn tài liệu, tổ chức hội nghị tập huấn trong cơ quan có chức năng, nhiệm vụ phòng, chống ma túy, phổ biến đến quần chúng nhân dân, chi phí để đưa ra kết luận xác định một người sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với người dân, tỷ lệ sử dụng trái phép chất ma túy giảm dẫn tới số lượng người nghiện sẽ giảm, đồng nghĩa với việc số tiền tiêu tốn để mua trái phép chất ma túy giảm, giúp người dân có thể sử dụng số tiền đó vào các mục đích hợp pháp khác; an ninh, trật tự được bảo đảm, tạo môi trường thuận lợi cho người dân yên tâm lao động, sản xuất, tăng thu nhập; xã hội văn minh hơn.

Tác động về xã hội, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong phòng, chống ma túy và phòng ngừa tội phạm, tệ nạn ma túy thông qua công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; tăng cường một bước cơ chế hữu hiệu phòng, chống ma túy và phòng ngừa tệ nạn ma túy; có các biện pháp phòng ngừa thích hợp để người sử dụng trái phép chất ma túy không trở thành người nghiện ma túy; giảm thiểu hậu quả do người sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội; góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giảm thiểu tình hình tội phạm liên quan đến sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, chính sách không bảo đảm sự quản lý toàn diện trong công tác phòng, chống ma túy và phòng ngừa tệ nạn ma túy: công tác quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy được hợp thành trên nhiều yếu tố khác nhau, trong đó, thực tiễn thấy rằng việc không đặt vấn đề quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy sẽ là một khoảng trống trong quản lý nhà nước đối với công tác này. Do vậy, chưa thể hiện hết được vai trò quản lý nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy và phòng ngừa tệ nạn ma túy.

Tác động về thủ tục hành chính, làm phát sinh thủ tục giữa các cơ quan nhà nước để xác định người sử dụng trái phép chất ma túy (không phải là người nghiện) để đưa vào danh sách quản lý, tiếp đó là thủ tục đưa người sử dụng trái phép chất ma túy ra khỏi danh sách, nhưng không phát sinh thủ tục hành chính mới đối với người dân.

Tác động đối với hệ thống pháp luật, hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy được đồng bộ, hoàn thiện, xóa bỏ khoảng trống pháp lý về công tác quản

lý người sử dụng trái phép chất ma túy, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động phòng, chống ma túy, đồng thời làm giảm tác hại do tội phạm, tệ nạn ma túy gây ra cho xã hội, người dân. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách đòi hỏi bổ sung nhân lực, chi phí để duy trì thực hiện, thanh tra, kiểm tra bảo đảm tuân thủ Luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và người dân.

2. Chính sách 2: Xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm hiệu quả công tác cai nghiện ma túy bắt buộc và khuyến khích xã hội hóa công tác cai nghiện ma túy tự nguyện

Với việc xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác cai nghiện ma túy tự nguyện và bảo đảm hiệu quả công tác cai nghiện ma túy bắt buộc theo hướng Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí các dịch vụ cơ bản cho công tác cai nghiện, Luật có những tác động sau:

Tác động về kinh tế, đối với Nhà nước, việc nghiên cứu, bổ sung cơ chế, chính sách để huy động, thu hút đầu tư từ các nguồn lực trong xã hội sẽ giảm chi ngân sách cho công tác cai nghiện; nguồn ngân sách tiết kiệm được sẽ dùng để đầu tư, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chính sách làm phát sinh chi phí nghiên cứu, tập huấn, phổ biến các quy định mới, đầu tư trong công tác cai nghiện ma túy, kinh phí hỗ trợ một phần các dịch vụ cơ bản và cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của các cá nhân, tổ chức trong công tác cai nghiện (như chính sách hỗ trợ về vốn vay, về thuế, thủ tục thành lập...) nhưng chi phí không nhiều. Đối với người dân, việc tạo ra chính sách để nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy sẽ giúp nâng cao nhận thức của họ về người nghiện ma túy, tội phạm, tệ nạn ma túy gây ra cho chính bản thân, gia đình, xã hội và Nhà nước. Giảm tỷ lệ tái nghiện ma túy sẽ góp phần nâng cao sức khỏe, thu nhập người dân được tăng lên, an ninh, trật tự được giữ vững; đồng thời giảm thiểu tác hại do tội phạm, tệ nạn ma túy gây ra cho xã hội. Đối với doanh nghiệp, an ninh, trật tự được ổn định giúp doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh, từ đó làm tăng nguồn thu của doanh nghiệp.

Tác động về xã hội, thông qua việc quy định cụ thể về chế độ, chính sách trong công tác cai nghiện ma túy, đặc biệt là chính sách khuyến khích thành lập các tổ chức cai nghiện dân lập sẽ huy động được các nguồn lực của xã hội trong công tác cai nghiện, giảm chi ngân sách cho công tác này. Tuy nhiên, cần quy định cơ chế quản lý chặt chẽ các cơ sở cai nghiện dân lập cho phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nghiện. Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể, đầy đủ để thực hiện công tác cai nghiện tự nguyện và cai nghiện bắt buộc.

Người nghiện ma túy có nhiều lựa chọn hơn, chế độ, chính sách tốt hơn trong việc cai nghiện để tái hòa nhập cộng đồng trở thành người có ích cho xã hội.

Tác động đối với hệ thống pháp luật, chính sách phù hợp với quy định của Hiến pháp về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến công tác cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc. Tuy nhiên, với việc bổ sung những quy định mới liên quan đến công tác quản lý cai nghiện ma túy đòi hỏi Nhà nước phải có nguồn lực để ban hành các văn bản quy định chi tiết, tổ chức thi hành Luật, giám sát, kiểm tra thực hiện.

3. Chính sách 3: Xây dựng quy định về phòng, chống ma túy bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật

Để đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu đấu tranh phòng, chống ma túy, cần sửa đổi toàn diện các nội dung không còn phù hợp của Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định của các Bộ luật, luật có liên quan đến phòng, chống ma túy. Với việc thực hiện chính sách này, Luật có các tác động sau:

Tác động về kinh tế, đối với Nhà nước, giúp giảm chi ngân sách để bảo đảm an ninh, trật tự do tình hình tội phạm về ma túy giảm. Cụ thể, nếu tội phạm về ma túy giảm sẽ giúp giảm chi phí ngân sách trong việc đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, biên chế cho lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy. Bên cạnh đó, còn giảm biên chế đội ngũ cán bộ thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy. Tuy nhiên, chính sách làm phát sinh chi phí tổ chức phổ biến pháp luật, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ thuộc các cơ quan, chi phí bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ở các bộ, ngành. Đối với người dân, tội phạm về ma túy giảm, tình hình an ninh, trật tự được ổn định, giúp họ yên tâm sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tác động về xã hội, đối với Nhà nước, tạo ra cơ chế, chính sách để quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy, đồng thời, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác đấu tranh phòng, chống ma túy thời gian qua; cải thiện và bảo đảm an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng; Nhà nước kiểm soát và giảm được tình trạng mất an ninh, trật tự, tội phạm, bạo lực; môi trường xã hội văn minh hơn. Đối với người dân, chính sách giúp làm giảm tỷ lệ bệnh tật và tử vong do tội phạm, tệ nạn ma túy mang lại; nâng cao nhận thức của người dân về tác hại

của ma túy. Đối với doanh nghiệp, tạo ra sự nhìn nhận khách quan của doanh nghiệp đối với công tác phòng, chống ma túy.

Tác động đối với hệ thống pháp luật, Nhà nước có được một chính sách toàn diện, cụ thể về phòng, chống ma túy, khắc phục được những khoảng trống của pháp luật về phòng, chống ma túy. Tuy nhiên, để quy định mới đi vào cuộc sống và có tính khả thi trên thực tế cần thời gian để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn. Nhà nước cần có ngân sách, nhân lực, thời gian để phục vụ việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn Luật./.
